

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:23/2008/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 12 tháng 12 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua phương án phân loại đường phố thị xã, thị trấn
và giá các loại đất năm 2009**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về Phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 3040/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2008 của UBND tỉnh về Phê duyệt phân loại đường phố và giá các loại đất trên địa bàn tỉnh năm 2009; Báo cáo thẩm tra của Ban KTNS và ý kiến đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án phân loại đường phố thị xã, thị trấn và giá các loại đất năm 2009 trên địa bàn tỉnh theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. HĐND tỉnh giao UBND tỉnh tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện nếu có trường hợp giá chuyên quyền sử dụng đất trên thị trường biến động giảm giá từ 10% trở lên và tăng giá từ 20% trở lên, kéo dài trên 60 ngày; hoặc khi có thay đổi do quy hoạch; đầu tư nâng cấp, xây dựng mới kết cấu hạ tầng làm thay đổi loại đất, loại đường đã phân loại, HĐND tỉnh giao UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh giá và báo cáo HĐND tỉnh tại phiên họp gần nhất.

Giao cho Thường trực HĐND, các Ban HĐND, đại biểu HĐND tỉnh thực hiện giám sát Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12/12/2008 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. Các quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ./.

**CHỦ TỊCH
Nguyễn Viết Nên**

PHỤ LỤC**GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ
THỊ XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2008***(Kèm theo Nghị quyết số 23/2008/NQ-HĐND ngày 12/12/2008 của HĐND tỉnh)***Phụ lục số 1:****BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH****Bảng 1: Đất trồng cây hàng năm***Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 2	12.000	9.100	6.100
Hạng 3	9.800	7.425	4.770
Hạng 4	7.600	5.750	3.450
Hạng 5	5.400	4.075	2.125
Hạng 6	3.200	2.400	800

Bảng 2: Đất trồng cây lâu năm*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 1	21.000	-	-
Hạng 2	16.750	11.645	8.330
Hạng 3	12.750	10.030	6.749
Hạng 4	8.250	5.748	3.009
Hạng 5	4.000	2.800	1.020

Bảng 3: Đất rừng sản xuất*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 1	2.800	-	-
Hạng 2	2.100	1.990	1.000
Hạng 3	1.800	1.704	815
Hạng 4	1.500	1.065	610
Hạng 5	1.200	640	400

Bảng 4: Đất nuôi trồng thủy sản*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 1	13.875		
Hạng 2	11.280	6.757	4.505
Hạng 3	9.200	5.440	3.655
Hạng 4	7.145	4.080	2.720
Hạng 5	5.075	2.550	1.785
Hạng 6	2.400	1.600	493

Bảng 5: Đất làm muối*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Đơn giá
Vị trí 1	3.800
Vị trí 2	3.000
Vị trí 3	2.000
Vị trí 4	1.200

Bảng 6: Đất ở tại nông thôn

6.1. Xã đồng bằng

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	300.000	150.000	50.000
2	200.000	80.000	30.000
3	100.000	50.000	15.000
4	50.000	30.000	8.000

6.2. Đất ở các xã đồng bằng tại các vị trí ven tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, các trục đường giao thông chính, khu vực chợ trung tâm xã có vị trí sinh lợi cao

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	600.000	400.000	80.000
2	400.000	150.000	50.000
3	150.000	50.000	30.000
4	50.000	30.000	10.000

Giao UBND huyện, thị xã căn cứ vào thực tế để quy định khu vực, xác định vị trí đất tại bảng giá này cho phù hợp.

6.3. Xã trung du

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	150.000	65.000	25.000
2	80.000	38.000	16.000
3	50.000	25.000	10.000
4	25.000	16.000	3.600

6.4. Xã miền núi

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	100.000	30.000	8.000
2	50.000	15.000	6.000

3	25.000	8.000	4.000
4	12.000	4.000	2.000

Bảng 7: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn

7.1. Xã đồng bằng

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	250.000	120.000	50.000
2	170.000	80.000	30.000
3	85.000	50.000	15.000
4	50.000	30.000	8.000

7.2. Xã trung du

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	130.000	65.000	25.000
2	70.000	38.000	16.000
3	45.000	25.000	10.000
4	25.000	16.000	3.600

7.3. Xã miền núi

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	90.000	30.000	8.000
2	45.000	15.000	6.000
3	20.000	8.000	4.000
4	12.000	4.000	2.000

Bảng 8: Đất ở tại đô thị*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

8.1. Áp dụng cho thị xã Đông Hà và thị xã Quảng Trị

Loại đường phố	Vị trí I	Vị trí II	Vị trí III	Vị trí IV
1a	6.800	1.440	900	540
1b	5.600	1.260	720	450
1c	4.520	1.080	630	360
2a	3.600	810	540	306
2b	3.120	720	504	270
2c	2.640	630	468	234
2d	2.240	540	432	198
3a	1.360	450	360	180
3b	1.240	414	306	162
3c	1.120	378	252	144
3d	1.040	342	198	126
3e	880	306	162	108
4a	792	270	144	90
4b	680	234	126	72

4c	560	198	108	54
4d	448	162	90	50
4e	336	126	72	45
4f	224	90	54	40

8.2. Áp dụng cho các thị trấn

Đường phố loại	Vị trí I	Vị trí II	Vị trí III	Vị trí IV
1a	1.600	384	270	144
1b	1.440	336	249	120
1c	1.200	288	231	105
1d	960	240	192	96
2a	664	219	162	87
2b	600	201	135	78
2c	536	180	105	69
2d	480	162	87	60
3a	424	144	78	51
3b	360	120	66	42
3c	300	105	57	36
3d	240	87	48	33
3e	180	66	39	30
4a	120	48	35	28
4b	88	39	30	26
4c	68	30	26	24

(Thị trấn Cửa Việt chưa áp dụng bảng giá đất thị trấn mà áp dụng giá đất nông thôn theo loại đất)

Bảng 9: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị

9.1. Áp dụng cho thị xã Đông Hà và thị xã Quảng Trị (Trừ đất tại các Khu: Du lịch, Công nghiệp và Thương mại): Bằng 70% giá đất ở tại các vị trí tương ứng.

9.2. Áp dụng cho các thị trấn (Trừ đất tại các Khu: Du lịch, Công nghiệp và Thương mại): Bằng 52% giá đất ở tại các vị trí tương ứng.

Bảng 10: Đất Khu Du lịch thương mại, Khu Công nghiệp, Khu Thương mại

10.1. Đất ở

Đơn vị tính: 1.000 đ/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	540	360	150
2	360	240	90
3	240	150	45
4	150	90	24

10.2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp Đơn vị tính: 1.000 đ/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
1	360	180	75
2	180	120	45
3	120	75	23
4	75	45	6

- Bảng 10: Áp dụng cho đất thuộc khu quy hoạch đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các trục đường giao thông chính của Khu: Thương mại, Du lịch, Công nghiệp. Các vùng đất khác thuộc Khu Thương mại, Khu Du lịch thuộc đô thị thì áp dụng theo giá đất đô thị. Các vùng đất còn lại thì áp dụng bảng giá đất nông thôn;

- Đối với các dự án đầu tư tại Khu Thương mại Lao Bảo, Khu Du lịch thương mại, Khu Công nghiệp được áp dụng theo chính sách khuyến khích đầu tư riêng (Nếu có).

11. Giá đất đặc thù

11.1. Đất nông nghiệp nằm xen kẽ trong đô thị không được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác

- Đối với đô thị loại IV: 40.000 đồng/m²

- Đối với đô thị loại V: 24.000 đồng/m²

11.2. Đất Vườn, Ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở

- Khu vực I:

+ Xã đồng bằng: 31.500 đồng/m²

+ Xã trung du : 17.500 đồng/m²

+ Xã miền núi : 10.000 đồng/m²

- Khu vực II:

+ Xã đồng bằng: 25.000 đồng/m²

+ Xã trung du : 15.000 đồng/m²

+ Xã miền núi : 4.000 đồng/m²

- Khu vực III:

+ Xã đồng bằng: 8.000 đồng/m²

+ Xã trung du : 3.600 đồng/m²

+ Xã miền núi : 2.000 đồng/m²

Trường hợp bồi thường thiệt hại về đất theo giá đất đặc thù mục 11.1 và 11.2 trên đây kèm theo các điều kiện sau:

+ Hạn mức áp giá: Chỉ tính trong phạm vi thửa đất nhưng không quá năm lần hạn mức giao đất ở do UBND tỉnh quy định;

+ Thửa đất được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận sử dụng ổn định không có tranh chấp;

11.3. Trường hợp thửa đất ở có vị trí thấp hơn mặt đường (Xác lập vị trí đất) từ 1,5 m trở lên thì tính giảm giá 20% nhưng tối đa không quá 50.000 đ/m².

- Trường hợp thửa đất ở có vị trí cao hơn mặt đường (Xác lập vị trí đất) từ 1,5m trở lên thì tính giảm giá 10% nhưng tối đa không quá 50.000 đ/m².

11.4. Các thửa đất ở vị trí góc của các tuyến đường có tên giao nhau thì tính tăng giá 10% theo mức giá của đường xếp loại cao hơn.

11.5. Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Áp dụng theo giá đất rừng sản xuất (Bảng 3).

11.6. Đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp: Trụ sở cơ quan và công trình sự nghiệp được xây dựng tại vị trí, khu vực nào thì giá đất được xác định theo giá đất ở tại vị trí, khu vực đó.

11.7. Đất ở của đô thị thuộc các khu vực giáp ranh với nông thôn mà người sử dụng đất chuyên sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thì áp dụng giá đất theo bảng 6: Đất ở tại nông thôn. Căn cứ tình hình thực tế, UBND huyện, thị xã quy định cụ thể các khu vực này trên địa bàn mỗi huyện, thị xã để áp dụng mức giá cho phù hợp.

12. Nguyên tắc phân vị trí đất tại các thị xã và thị trấn

1. Đất đô thị được xác định theo loại đường phố và vị trí, bao gồm có 4 vị trí. Nguyên tắc phân vị trí đất đảm bảo thửa đất có xác định vị trí đất phải có ít nhất một mặt giáp với đường, ngõ hoặc hẻm. Vị trí I áp dụng với đất mặt tiền (Liên cạnh đường phố) có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, các vị trí II, III và IV áp dụng đối với đất có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn, cụ thể:

a) Vị trí I: Áp dụng đối với thửa đất mặt tiền đường phố tính từ lộ giới (Ranh giới của thửa đất) vào sâu đến 20m;

b) Vị trí II: Áp dụng đối với thửa đất trong các đường, ngõ hoặc hẻm giao nhau với đường phố đã được xếp loại và có khoảng cách đến mép đường phố đã được xếp loại trong khoảng từ trên 20m đến 40m. Trường hợp thửa đất nằm trong khoảng từ mép đường phố chính (Ranh giới của thửa đất) vào sâu 20m mà có mặt tiền tiếp giáp với đường ngõ, hẻm thì 20m đầu tiên xếp vào vị trí 2 của đường phố chính;

c) Vị trí III: Áp dụng đối với thửa đất trong các đường, ngõ hoặc hẻm giao nhau với đường phố đã được xếp loại và có khoảng cách đến mép đường phố đã được xếp loại trong khoảng từ trên 40m đến 60m;

d) Vị trí IV: Áp dụng đối với các thửa đất còn lại.

2. Trường hợp thửa đất có địa điểm tương ứng với các vị trí khác nhau (Các đường phố đã được xếp loại giao nhau hoặc đường phố đã được xếp loại giao nhau với đường chưa được xếp loại) thì áp dụng theo vị trí đất có mức giá cao hơn.

3. Đối với thửa đất (Tùy theo vị trí cụ thể) mà có chiều sâu từ trên 20m trở lên (Liên thửa) thì áp dụng nguyên tắc xác định giá như sau:

a) 20m đầu tiên (Mặt tiền): Tính bằng giá đất vị trí I;

b) Từ trên 20 đến 40m: Tính bằng giá đất vị trí II;

c) Từ trên 40m đến 60m: Tính bằng giá đất vị trí III;

d) Từ trên 60m trở đi: Tính bằng giá đất vị trí IV.

PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐÔNG HÀ**I. ĐƯỜNG LOẠI 1A**

1. Lê Duẩn: Đoạn từ Nam cầu Đông Hà đến tim cầu Vượt
2. Hùng Vương: Đoạn từ Bưu điện Đông Hà đến Bắc đường Ngô Quyền
3. Quốc lộ 9: Đoạn từ Sở Công an đến đường Hàm Nghi
4. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Bưu điện Đông Hà

II. ĐƯỜNG LOẠI 1B

1. Quốc Lộ 9: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến ngã 3 Nguyễn Du
2. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ Bưu điện Đông Hà đến đường Hiền Lương
3. Lê Duẩn: Đoạn từ tim cầu Vượt đến cổng Vân An
4. Phan Châu Trinh: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến chợ Đông Hà

III. ĐƯỜNG LOẠI 1C

1. Hùng Vương: Đoạn từ Nam đường Ngô Quyền đến Bắc cầu Đại An
2. Lê Quý Đôn: Từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Hưng Đạo
3. Phan Bội Châu: Từ đường Trần Hưng Đạo đến chợ Đông Hà

IV. ĐƯỜNG LOẠI 2A

1. Lê Lợi: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Trường Chinh
2. Huyền Trân Công Chúa: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Quý Đôn

V. ĐƯỜNG LOẠI 2B

1. Hùng Vương: Đoạn từ Nam cầu Đại An đến đường Lý Thường Kiệt
2. Quốc lộ 9: Đoạn từ ngã ba Nguyễn Du đến đường Trần Hưng Đạo
3. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Hiền Lương đến đường Trần Nhật Duật
4. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hiền Lương
5. Hiền Lương: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hai Bà Trưng
6. Lê Văn Hưu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường sắt phía dưới cầu Vượt
7. Nguyễn Công Trứ: Cả đường (Quốc lộ 9 đến đường Tôn Thất Thuyết)
8. Nguyễn Khuyến: Cả đường (Từ Quốc lộ 9 đến Quốc lộ 9)
9. Lê Hồng Phong: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Ngô Quyền
10. Quốc lộ 1: Đoạn từ Bắc cầu Đông Hà đến đường Đoàn Bá Thừa
11. Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Bình Khiêm
12. Hàm Nghi: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến cổng Đại An
13. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Hùng Vương

VI. ĐƯỜNG LOẠI 2C

1. Hàm Nghi: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Nguyễn Trãi
2. Tạ Quang Bửu: Cả đường
3. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến đường Nguyễn Trãi

4. Quốc Lộ 1: Đoạn từ đường Đoàn Bá Thừa đến đường Phạm Ngũ Lão
5. Ngô Quyền: Từ đường Lê Lợi đến đường Hàm Nghi
6. Đặng Tất: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Huệ
7. Nguyễn Bình Khiêm: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Huệ
8. Văn Cao: Đoạn từ đường Hùng Vương đến Thư viện tỉnh
9. Lê Duẩn: Đoạn từ cổng Vân An đến Bắc cầu Trung Chi
10. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Hàm Nghi
11. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ đường Phan Bội Châu đến cổng thoát nước

VII. ĐƯỜNG LOẠI 2D

1. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Trần Nhật Duật đến đường Khóa Bảo
2. Lê Lợi: Đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Lý Thường Kiệt
3. Tôn Thất Thuyết: Từ đường Nguyễn Du đến đường Trần Phú
4. Nguyễn Du: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Chu Mạnh Trinh
5. Hùng Vương: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường 9D
6. Nguyễn Trãi: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Bình Khiêm
7. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Bình Khiêm

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường Khóa Bảo đến đường vào Trường Cao đẳng sư phạm
2. Lê Thánh Tông: Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Lợi
3. Hàm Nghi: Cổng Đại An đến đường Lý Thường Kiệt
4. Lê Thế Hiếu: Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Nguyễn Trãi
5. Lưu Hữu Phước: Từ Thư viện tỉnh đến đường Trần Phú
6. Thái Phiên: Từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú
7. Đặng Dung: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Mạc Đĩnh Chi
8. Đào Duy Từ: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Hàm Nghi
9. Đường vào Trạm xá Công An: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Lê Thế Hiếu
10. Lương Khánh Thiện: Cả đường (Từ Quốc lộ 9 đến Quốc lộ 9)
11. Chu Mạnh Trinh: Từ đường Nguyễn Du đến đường Quốc lộ 9
12. Nguyễn Du: Đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Lý Thường Kiệt
13. Trần Phú: Đoạn từ đường Lê Thánh Tông đến cầu Vượt đường sắt
14. Lê Chương: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Quý Đôn
15. Lê Duẩn: Đoạn từ Nam cầu Trung Chi đến Bắc cầu Lai Phước
16. Hoàng Diệu: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Phạm Ngũ Lão
17. Nguyễn Chí Thanh: Từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Lý Thường Kiệt
18. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến đường Nguyễn Du
19. Trần Phú: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Thái Phiên

20. Đường 9D: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Hùng Vương

21. Đường Hùng Vương: Đoạn từ đường 9D đến Lai Phước

IX. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lưu Hữu Phước

2. Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Hải đội 2

3. Trần Hữu Dực: Từ đường Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi

4. Trường Chinh: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến đường Hùng Vương

5. Đoàn Khuê: Đoạn từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Trần Đại Nghĩa

6. Trần Đại Nghĩa: Từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Lê Thánh Tông

7. Chế Lan Viên: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phan Đình Phùng

8. Đường vào Tỉnh ủy: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến Lưu Hữu Phước

9. Trần Nhật Duật: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Bà Triệu

10. Phan Văn Trị: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Lê Thế Hiếu

11. Hải Thượng Lãn Ông: Từ phía Tây Hùng Vương đến Tôn Thất Thuyết

X. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Quốc lộ 1: Đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến Nam cầu Sông

2. Lê Thế Tiết: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Bà Huyện Thanh Quan

3. Đinh Công Tráng: Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến đường Huyện Trần Công
Chúa

4. Ông Ích Khiêm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Hải Triều

5. Hải Triều: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Ông Ích Khiêm

6. Đường Hai bên Cầu Vượt: Đoạn từ đường Trần Phú đến cổng Công an tỉnh

7. Nguyễn Tri Phương: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Lợi

8. Phạm Đình Hồ: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Lợi

9. Hồ Xuân Lưu: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Hàm Ninh

10. Nguyễn Hàm Ninh: Đoạn từ đường Ngô Quyền đến Quốc Lộ 9

11. Phan Chu Trinh: Đoạn từ Lê Quý Đôn đến Đinh Công Tráng

12. Nguyễn Thái Học: Từ đường Nguyễn Huệ đến đường phía sau Cục Hải quan

13. Hàn Thuyên: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2

14. Ngô Sĩ Liên: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đường Đặng Dung

15. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Hùng Vương đến gần nhà ông Trần Đức Đình

16. Nguyễn Viết Xuân: Cả đường

17. Lê Phụng Hiểu: Cả đường

18. Đường 9D: Đoạn từ Hùng Vương đến đường vào nghĩa địa Đông Lương

19. Hải Thượng Lãn Ông: Từ Đông Hùng Vương đến giáp đường bê tông khu
vực

XI. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hai Bà Trưng
2. Đặng Thai Mai: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Thái Học
3. Mạc Đĩnh Chi: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đường Đặng Dung
4. Đoạn đường: Đoạn từ Trường Lái xe đến ranh giới phường Đông Lễ
5. Lê Hồng Phong: Đoạn từ đường Hùng Vương đến Tôn Thất Thuyết

XII. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Bến Hải: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Trần Đại Nghĩa
2. Dương Văn An: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Trần Đại Nghĩa
3. Phạm Ngũ Lão: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hoàng Diệu
4. Đặng Dung: Đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường Bùi Thị Xuân
5. Đoàn Khuê: Đoạn từ đường Trần Đại Nghĩa đến đường Trần Phú
6. Thành Cổ: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến cầu Khe Lược
7. Nguyễn Trung Trực: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hồ Khe mây
8. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ Công thoát nước đến đường Bùi Dục Tài
9. Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Hàm Nghi
10. Huỳnh Thúc Kháng: Từ Hùng Vương đến đường khu vực Bộ đội biên phòng
11. Đường 9D: Đoạn còn lại

XIII. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường vào Trường Cao đẳng sư phạm đến đường vào X334

2. Nguyễn Đình Chiểu: Đoạn từ Trường Cao đẳng sư phạm đến Quốc lộ 9
3. Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Bà Triệu
4. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Hiền Lương đến đường Bùi Dục Tài
5. Nguyễn Hoàng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2
6. Phạm Hồng Thái: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2
7. Bà Triệu: Đoạn từ Chợ Đông Hà đến cầu Thanh niên
8. Phùng Hưng: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Đinh Tiên Hoàng

XIV. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Yết Kiêu: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi nối dài
2. Đường Thanh niên: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường về cổng Vĩnh Ninh
3. Hoàng Diệu: Đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến đường sắt
4. Bà Triệu: Đoạn từ cầu Thanh niên đến cầu Đường sắt
5. Lương Ngọc Quyến: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến Trạm lưới điện lực
6. Trương Hán Siêu: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng
7. Cao Thắng: Đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Nguyễn Du
8. Lê Trực: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hoàng Diệu

9. Đường phía sau Trụ sở Hải Quan tỉnh: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Huệ

10. Võ Thị Sáu: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Trương Hán Siêu

11. Trương Định: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến Nguyễn Bình Khiêm

12. Hiền Lương: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến Đinh Tiên Hoàng

13. Đoạn đường phía trước trụ sở UBND phường Đông Giang: Từ đường Trần Nguyên Hãn đến hết đường

14. Trần Bình Trọng: Đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến đường Nguyễn Du (Trạm bơm 2)

15. Nguyễn Du: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Trạm bơm 2

16. Quốc lộ 1 cũ: Đoạn từ đường Đoàn Bá Thừa đến đường Hoàng Diệu

XV. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Bà Triệu: Đoạn từ Cầu đường sắt đến đường vào 968

2. Cồn Cỏ: Đoạn từ đường Đặng Dung đến kênh thủy lợi

3. Lê Lai: Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến Quốc lộ 9

4. Trần Quốc Toản: Đoạn từ đường Nguyễn Gia Thiều đến Trần Hưng Đạo

5. Mai Hắc Đế: Đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến Lê Thánh Tông nối dài

6. Kim Đồng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Bùi Thị Xuân

7. Trương Hán Siêu: Đoạn từ Quốc Lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi

8. Đường vào 968: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Bà Triệu

9. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ đường Bùi Dục Tài đến Trần Nhật Duật

10. Đoàn Thị Điểm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2

XVI. ĐƯỜNG LOẠI 4D

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường vào X334 đến cầu Bà Hai

2. Phan Huy Chú: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Bùi Thị Xuân

3. Nguyễn Thiện Thuật: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2

4. Nguyễn Biểu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2

5. Nguyễn Gia Thiều: Đoạn từ đường Đặng Thai Mai đến Trần Quốc Toản

6. Thành Cổ: Đoạn từ cầu Khe Lược đến đường Bà Triệu

7. Trần Nguyên Hãn: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến hết nhà ông An khu phố 2

8. Mạc Đĩnh Chi: Từ Đặng Dung đến hết đường

9. Trần Phú: Đoạn từ đường Thái Phiên đến đường Trần Hưng Đạo

10. Lê Văn Hưu: Đoạn từ đường sắt phía dưới cầu Vượt đến ga Đông Hà

XVII. ĐƯỜNG LOẠI 4E

1. Nguyễn Thượng Hiền: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến kênh thủy lợi N22

2. Đường Thanh niên: Từ cổng Vĩnh Ninh đến Trạm Y tế phường Đông Giang

3. Đường Phạm Hồng Thái: Đoạn từ kênh N2 đến sông Thạch Hãn

4. Đường Nguyễn Hoàng: Đoạn từ kênh Ái Tử đến sông Thạch Hãn

5. Bà Huyện Thanh Quan: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến Nguyễn Biểu

6. Đoàn Bá Thừa: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hoàng Diệu

XVIII. ĐƯỜNG LOẠI 4F

1. Trần Nguyên Hãn: Đoạn từ nhà ông An khu phố 2 đến đập Đại Độ

2. Đường Thanh niên: Từ Trạm Y tế phường Đông Giang đến cầu Ông Niệm

XIX. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG CHO CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI NHƯ SAU

1. Các tuyến đường chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường đã được nhựa, bê tông thì phân loại như sau:

- Có mặt cắt từ 13m trở lên: Xếp loại 3e;

- Có mặt cắt từ 6m đến dưới 13m: Xếp loại 4a;

- Có mặt cắt từ 3m đến dưới 6m:

+ Do nhà nước đầu tư: Xếp loại 4d;

+ Do nhà nước và nhân dân cùng làm hoặc do nhân dân tự đầu tư: Xếp loại 4e

- Có mặt cắt dưới 3m xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

2. Các đường còn lại (Chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông) được phân loại như sau:

- Có mặt cắt từ 6m trở lên thì xếp loại 4d;

- Có mặt cắt từ 3m đến dưới 6m thì xếp loại 4e;

- Có mặt cắt 3m xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

4. Những đường chưa đủ tiêu chuẩn xếp loại, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ THỊ XÃ QUẢNG TRỊ**I. ĐƯỜNG LOẠI 3A**

1. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Trần Quốc Toản.
2. Lê Duẩn: Đoạn từ giáp xã Hải Phú đến Nam cầu Thạch Hãn.

II. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Trần Hưng Đạo
 - Đoạn từ đường Trần Quốc Toản đến Bắc công Thái Văn Toản;
 - Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Đoàn Thị Điểm.

III. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Trần Hưng Đạo
 - Đoạn từ đường Đoàn Thị Điểm đến giáp xã Triệu Thành;
 - Đoạn từ công Thái Văn Toản đến đường Lê Duẩn.
2. Quang Trung: Đoạn từ đường Ngô Quyền đến hàng rào phía Đông Chi nhánh điện Thành Cổ.
3. Ngô Quyền: Đoạn từ phố Hữu Nghị đến giáp xã Triệu Thành.

IV. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Quang Trung: Đoạn từ Hàng rào phía Đông Chi nhánh điện Thành Cổ đến đường Hai Bà Trưng.
2. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Lý Thái Tổ.
3. Phố Thành Công: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền.
4. Phố Hữu Nghị: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền.

V. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Trần Hưng Đạo.
2. Lý Thái Tổ: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Ngô Quyền.
3. Hoàng Diệu: Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Lý Thái Tổ.

VI. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Trần Thị Tâm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Ga Quảng Trị.
2. Lê Hồng Phong: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Trần Hưng Đạo.
3. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Phan Đình Phùng.
4. Ngô Quyền: Đoạn từ Phố Hữu Nghị đến đường Bùi Thị Xuân.

VII. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Trần Phú: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Phan Chu Trinh.
2. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Ngô Quyền.
3. Nguyễn Tri Phương: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Ngô Quyền.

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 4D

1. Phan Bội Châu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến công K7.
2. Phan Chu Trinh: Đoạn từ Bến xe cũ đến đường Phan Thành Chung.
3. Đoàn Thị Điểm: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền.
4. Lê Quý Đôn: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến hàng rào phía Tây Trường Dân tộc nội trú.
5. Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến kênh N1.

6. Bùi Thị Xuân: Cả đường.

7. Đoạn đường T3: Từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Bà Triệu.

IX. ĐƯỜNG LOẠI 4E

1. Nguyễn Thị Lý: Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến kênh N1.

2. Nguyễn Trãi: Đoạn từ Kênh N1 đến Quốc lộ 1A.

3. Trần Quốc Toản: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Quang Trung.

4. Đoạn đường 4T: Từ đường T3 đến đường Bà Triệu.

X. ĐƯỜNG LOẠI 4F

1. Phan Chu Trinh:

- Đoạn từ Phố Hữu Nghị đến Bến xe cũ;

- Đoạn từ đường Phan Thành Chung đến giáp xã Hải Lệ.

2. Phan Thành Chung: Đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Lê Lợi.

3. Lê Lợi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh N2.

4. Thạch Hãn: Đoạn từ đường Hồ Xuân Hương đến đường Trần Quốc Toản.

5. Hồ Xuân Hương: Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Hồng Phong.

6. Ngô Thị Nhậm: Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Lý Thường Kiệt.

7. Bà Triệu: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Lý Thường Kiệt.

8. Huyền Trân Công chúa: Đoạn từ đường Trần Bình Trọng đến đường Nguyễn Thị Lý.

9. Trần Bình Trọng: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến giáp xã Hải Quy.

10. Nguyễn Thị Lý: Đoạn từ kênh N1 đến cầu Ba Bền.

XI. CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI

1. Các đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại thì được phân loại như sau:

- Có mặt cắt từ 8m trở lên thì xếp loại 4f;

- Có mặt cắt từ 5m đến nhỏ hơn 8m thì xếp vào vị trí 2 của đường loại 4f;

- Có mặt cắt từ 3m đến nhỏ hơn 5m thì xếp vào vị trí 3 đường loại 4f;

2. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

3. Những đường chưa đủ tiêu chuẩn xếp loại, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

Phụ lục số 4:**PHÂN LOẠI XÃ VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ CÁC THỊ TRẤN****PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN KHE SANH
VÀ THỊ TRẤN LAO BẢO HUYỆN HƯƠNG HÓA****A. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN KHE SANH****I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A**

1. Đường Lê Duẩn: Đoạn từ Tượng đài đến giáp cầu Khe Sanh.
2. Đường Hùng Vương: Đoạn từ nhà ông Thìn đến giáp đường Lê Lợi.
3. Đường Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Ngô Sỹ Liên.
4. Đường Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà ông Dũng.

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đường Lê Duẩn: Đoạn từ cầu Khe Sanh đến hết Khối 4.
2. Đường Lê Lợi: Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Duẩn.
3. Đường Hàm Nghi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi.
4. Đường Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi.
5. Đường 9/7: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Lê Duẩn.
6. Đường Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi.
7. Đường Phan Chu Trinh: Từ đường Hùng Vương đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng.
8. Đường Đinh Tiên Hoàng: Từ đường Lê Duẩn đến giao đường Phan Chu Trinh.
9. Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Km số 2.
10. Đường Chu Văn An: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Nguyễn Khuyến.

11. Đường Trường Chinh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết hồ Khe Sanh.

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đường Phạm Hùng: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Hàm Nghi.
2. Đường Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Ngô Sỹ Liên đến giáp đường Hà Huy Tập.
3. Đường Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ nhà ông Dũng đến hết nhà ông Mạnh.
4. Đường Lê Quang Đạo: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Công ty Cà phê Đường 9.
5. Đường Trương Định: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp hồ Tân Độ.
6. Đường Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ nhà bà Nga đến hết nhà ông Trung.
7. Đường Trần Hữu Dực: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến hết nhà ông Tấn.
8. Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ Km số 2 đến giáp xã Hương Tân.

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đường Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến nghĩa trang Khóm 4.
2. Đường Trần Hoàn: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Xí nghiệp Cấp thoát nước Khe Sanh.

3. Đường Nguyễn Viết Xuân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà ông Đình.

4. Đường Nguyễn Khuyến: Đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến hết nhà ông Tuấn.

5. Đường Hà Huy Tập: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Thoi.

6. Đường Đào Duy Từ: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Chu Trinh.

7. Đường Hùng Vương: Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết cầu đi Khôi 7.

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường Phạm Ngũ Lão: Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết cầu đi lò gạch cũ.

2. Đường Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ nhà ông Hiệp đến hết nhà ông Bút.

3. Đường Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ giao đường Phan Chu Trinh đến giáp cầu đi Pa Nho.

4. Đường Nguyễn Đình Chiểu: Từ Nhà máy nước đến giáp đường Phan Chu Trinh.

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đường Võ Thị Sáu: Đoạn từ đường 9/7 đến giáp hồ Tân Độ.

2. Đường Văn Cao: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Tính.

3. Đường Lê Thánh Tông: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Thạc.

4. Đường Trần Hữu Thận: Đoạn từ đường 9/7 đến giáp hồ Tân Độ.

5. Đường Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp nhà bà Tâm.

6. Đường Lê Hành: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp nhà ông Giang.

7. Đường Đặng Thai Mai: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Hữu Dục.

8. Đường Nguyễn Hữu Thọ: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp đường Bùi Dục Tài.

9. Đường Đinh Công Tráng: Đoạn từ đường 9/7 đến giáp nhà ông Ái.

10. Đường Nguyễn Thị Định: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Xứ.

11. Đường Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà bà Lai.

12. Đường Chế Lan Viên: Đoạn từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi.

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Đường Trương Công Kính: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Cao Vân.

2. Đường Nguyễn Biểu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp hội trường Khóm 4.

3. Đường Nguyễn Viết Xuân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Dục Tài.

4. Đường Trần Quang Khải: Từ đường Hồ Chí Minh đến giáp đường Trương Định.

5. Đường Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Đào Duy Từ đến giáp nhà ông Hiền.

6. Đường Nguyễn Khuyến: Đoạn từ nhà ông Tuấn đến giáp nhà ông Pay.

7. Đường Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến suối phía Nam.

8. Đường Trần Nguyên Hãn: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp nhà ông Cường.

9. Đường Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Thị Xuân.

VIII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Đường Hàm Nghi: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Linh.
2. Đường Hồ Sỹ Thân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp nhà ông Linh.
3. Đường Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến giáp đường Hồ Sỹ Thân.

IX. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

B. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN LAO BẢO

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đường Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu A Trùm đến Cửa khẩu Lao Bảo.
2. Đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Quốc lộ 9.
3. Đường Trần Phú: Đoạn nối đường Nguyễn Huệ đến giáp Quốc lộ 9.
4. Đường Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp Nhà máy Camel.
5. Đường Nguyễn Huệ: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết.
6. Đường Trần Mạnh Quý: Từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Ngô Quyền.
7. Đường Ngô Quyền: Đoạn từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Phan Bội Châu.
8. Đường Nguyễn Du: Đoạn từ Khách sạn Sêpôn đến giáp Nhà máy Camel.
9. Đường Mai Thúc Loan: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp Công ty cà phê Thái Hòa.

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đường Phạm Văn Đồng: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết.

2. Các đoạn đường của khu đấu giá đất thuộc Khu Kinh tế- Thương mại đặc biệt Lao Bảo.

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đoạn Lê Thế Tiết: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Nguyễn Huệ.

2. Đường Hoàng Diệu: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đường Lê Thế Hiếu: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.

2. Đường Nguyễn Tri Phương: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.

3. Đường Nguyễn Chí Thanh: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nghĩa trang Lao Bảo.

4. Đường Tôn Đức Thắng: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.

5. Đường Kim Đồng: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.

6. Đường Huyền Trân Công Chúa: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết.

7. Đường Bạch Đằng: Đoạn từ đường Trần Phú đến giáp đường Phan Bội Châu.

8. Đường Lê Quý Đôn: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Hoàng Hoa Thám.

9. Đường Phan Bội Châu: Từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Lý Thường Kiệt.

10. Đường Lê Hồng Phong: Đoạn từ Trạm điện 110Kv đến giáp đường Hoàng Diệu.

11. Đường Lê Thế Tiết: Đoạn từ nhà ông Thủ (Đường Nguyễn Huệ) đến giáp nhà tù Lao Bảo.

12. Đường Lý Thái Tổ: Đoạn từ nhà trọ Việt Hùng đến giáp đường Lê Hồng Phong.

13. Đường Hoàng Hoa Thám: Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Phan Bội Châu.

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường Hữu Nghị: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết.

2. Đường Cu Bai: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong.

3. Đường Cao Thắng: Đoạn từ đường Kim Đồng đến giáp đường Ngô Gia Tự.

4. Đường Nguyễn Trường Tộ: Đoạn từ nhà ông Tiếp đến giáp đường Hải Thượng Lãn Ông.

5. Đường Ông Ích Khiêm: Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến giáp đường Hoàng Diệu.

6. Đường Hoàng Hoa Thám: Từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Thạch Hãn.

7. Đường Đội Cung: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nhà ông Tiết.

8. Đường Nguyễn Gia Thiều: Đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến giáp nhà bà Lợi.

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đường Huỳnh Thúc Kháng: Từ đường Hữu Nghị đến giáp đường Nguyễn Huệ.
2. Đường Hải Thượng Lãn Ông: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp chùa Phước Bảo.
3. Đường khóm Trung 9: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nhà ông Hảo.
4. Đoạn đường từ chợ cũ đi công viên Lao Bảo (02 đường): Đoạn từ đường Huyền Trân Công Chúa đến giáp đường Phạm Văn Đồng.
5. Đường Phan Đăng Lưu: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Thạch Hãn.
6. Đường Lê Chương: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai.
7. Đường Nguyễn Thị Minh Khai: Từ đường Quốc lộ 9 đến ngã ba khóm Khe Đá.
8. Đường Tố Hữu: Đoạn từ đường Thạch Hãn đến giáp đường Hoàng Hoa Thám.
9. Đường Nguyễn Hữu Đồng: Đoạn từ nhà ông Thương đến giáp trạm bơm.
10. Đường Đặng Văn Ngữ: Đoạn từ nhà ông Đệ đến giáp nhà ông Cấn.
11. Đường Hoàng Hoa Thám: Từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Lê Thế Tiết.
12. Đường Lê Lai: Đoạn từ đường Hồ Bá Kiện đến giáp đường Hồng Chương.
13. Đường Ngô Gia Tự: Đoạn từ đường nhà ông Tiên đến giáp nhà ông Xuyên.
14. Đường Thạch Hãn: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Lê Quý Đôn.
15. Đường Trần Quý Cáp: Đoạn từ nhà ông Thận đến giáp Nhà máy nước.

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Đường Nguyễn Tự Như: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Thạch Hãn.
2. Đoạn đường nội khóm Vĩnh Hòa: Đoạn từ nhà ông Phời đến Trạm bơm.
3. Đường Đặng Tất: Đoạn từ nhà ông Nóng đến giáp nhà ông Bảo.
4. Đường Thạch Hãn: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp bản KaTúp.
5. Đường Lê Văn Huân: Đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám đến giáp đường Phan Đăng Lưu.
6. Đường Hồng Chương: Từ đường Hoàng Hoa Thám đến đường Đào Duy Anh.
7. Đường Trần Thị Tâm: Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Nguyễn Thị Minh Khai.
8. Đường Phan Huy Chú: Đoạn từ nhà ông Xiêm đến giáp nhà ông Bắc.
9. Đường Cao Bá Quát: Đoạn từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến giáp nhà ông Mông.
10. Đường nội khóm Trung 9: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 (Nhà ông Dẫn) đến giáp đường Phạm Văn Đồng.

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Đường Hồ Bá Kiện: Đoạn từ nhà ông Huy đến giáp nhà bà Bưởi.
2. Đường Nguyễn Bình Khiêm: Từ nhà ông Bắc đến giáp nhà ông Nam (Duy Tân).
3. Đường Phùng Hưng: Đoạn từ nhà ông Cần đến giáp nhà ông Hào.
4. Đường Nguyễn Công Trứ: Đoạn từ nhà ông Bình đến giáp nhà ông Cử.
5. Đường Đoàn Bá Thừa: Đoạn từ nhà ông Cẩm đến giáp nhà ông Lộc.
6. Đường Đào Duy Anh: Đoạn từ khóm nhà Duy Tân đến giáp nhà ông Định.
7. Đường Khóa Bảo: Đoạn từ nhà ông Quyết đến giáp nhà ông Trung.
8. Đường Nguyễn Thiện Thuật: Đoạn từ nhà ông Mẫn đến giáp nhà ông Cảnh.

VIII. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được

xếp loại;

2. Các loại đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

**PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ
THỊ TRẤN KRÔNG KLANG CỦA HUYỆN ĐAKRÔNG**

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu Z đến cầu K Lu.
2. ĐĐT.79: Đoạn từ QL9 đến ĐĐT.77D.
3. ĐĐT.80: Đoạn từ QL9 đến ĐĐT.77D.
4. Đường tuyến ĐT588A: Đoạn từ QL9 đến cầu San ruôi.

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. ĐĐT.79: Đoạn từ tuyến số 6 đến hết tuyến.
2. ĐĐT.77D: Đoạn từ ĐĐT.79 đến tuyến ĐĐT.81.
3. Ng ĐĐT.80: Đoạn từ ĐĐT.77D đến hết tuyến.
4. Đường tuyến ĐĐT.81: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết tuyến.
5. Đường tuyến ĐT588A: Đoạn từ cầu San Ruôi đến cầu X.

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu KLu đến cầu Khe Xôm.
2. Quốc lộ 9: Đoạn từ giáp ranh xã Hướng Hiệp đến cầu Z.
3. Đường tuyến ĐĐT.78: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết tuyến.
4. Đường tuyến ĐĐT.77B: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết tuyến.
5. Đường tuyến ĐĐT.77: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến tuyến đường ĐĐT.77B.
6. Đường tuyến ĐĐT.77D: Đoạn từ tuyến ĐĐT.77B đến tuyến ĐĐT.79.
7. Đường tuyến ĐĐT.76: Đoạn từ Km40+970 Quốc lộ 9 đến Km0+740 đường ĐT588A.
8. Đường tuyến ĐĐT.76B: Đoạn từ tuyến ĐĐT.75 đến tuyến ĐĐT.76.

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đường tuyến số 7: Đoạn từ công viên đến suối San Ruôi.
2. Đường tuyến ĐĐT.81B: Đoạn từ Trung tâm Giáo dục thường xuyên đến tuyến đường ĐĐT77D.
3. Đường tuyến ĐĐT.77C: Đoạn từ tuyến ĐĐT.76 đến tuyến ĐĐT.79.
Đường ĐT588A: Đoạn từ cầu X đến giáp ranh xã Mò Ó.

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Toàn tuyến đường ĐĐT.75.

VI. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:
 - Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
 - Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

PHÂN LOẠI XÃ CỦA HUYỆN CAM LỘ VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN CAM LỘ

A. PHÂN LOẠI XÃ

I. CÁC XÃ TRUNG DU

Gồm có:

- Xã Cam An: Thôn Mỹ Hòa, thôn Xuân Khê;
- Xã Cam Thủy: Thôn Tân Xuân, thôn Thiện Chánh;
- Thị trấn Cam Lộ: Thôn Nam Hùng, thôn Nghĩa Hy.

II. CÁC XÃ ĐỒNG BẰNG

Gồm có:

- Các xã: Xã Cam Hiếu, xã Cam Thanh;
- Xã Cam An: Các thôn còn lại;
- Xã Cam Thủy: Các thôn còn lại.

B. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN CAM LỘ

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9 qua Trung tâm thị trấn: Đoạn từ phía Tây cầu Nghĩa Hy đến km 14+000 (Phía Tây nhà ông Dương).

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9: Đoạn từ Tây cầu Tân Trúc đến phía Đông cầu Nghĩa Hy.

2. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9: Đoạn từ km 14+000 (Nhà ông Dương) đến giáp hàng rào phía Đông nghĩa trang liệt sĩ huyện.

3. Đoạn đường quốc lộ 9 (Mới): Đoạn từ phía Nam cầu Đuôi đến ngã ba đường Quốc lộ 9 (Nhà bà Trâm, khu phố 4- thị trấn).

4. Các đoạn đường bao quanh chợ Trung tâm thị trấn Cam Lộ.

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đoạn đường nhánh Hồ Chí Minh: Đoạn từ ngã ba chợ Phiên (Nhà ông Nguyễn) lên Khu Chính phủ Cách mạng lâm thời qua thôn An Hưng- Tân Định ra giáp Quốc lộ 9 (Ngã tư Cù, nhà ông Vọt).

2. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ km 13+600 (Công an huyện) đến giáp phía Nam mô cầu Cam Tuyền.

3. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+300 (Cơ quan Huyện ủy) vào Khu Chính phủ Cách mạng lâm thời đến giáp đường nội thị thôn Tây Hòa- An Hưng (Hết đoạn đường bê tông nhựa).

4. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 12+600 (Đồn Công an thị trấn) vào Trung tâm Y tế Dự phòng huyện đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh.

5. Đoạn đường: Đoạn từ ngã tư Trung tâm Y tế (Nhà bà Nhân)- Sân Vận động- Nhà Thi đấu thể thao- đến nhà ông Tiến (Khu phố 1, thị trấn).

6. Đoạn đường: Đoạn từ Nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng (Khu phố 2)- phòng Công Thương- đến chợ Ngô Đồng (Nhà ông An, khu phố 1, thị trấn).

7. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+800 (Nhà bà Ngân) đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh.

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ km 13+000 (Trường PTTT Cam Lộ) đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh.

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 12+600 (Phòng Tài chính- Kế hoạch) đến giáp phía Bắc cầu số 1 (Thôn Nam Hùng- thị trấn).

2. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+200 (Nhà ông Quốc- Mỹ) đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh.

3. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+600 (Bưu điện Cam Lộ) chạy theo hướng Tây Nam ra đến Quốc lộ 9 Km 13+800 (Cây xăng Cam Lộ- Công ty Xăng dầu Quảng Trị).

4. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+900 (Tịnh xá Ngọc Lộ) đến đường nhánh Hồ Chí Minh ra giáp tuyến đường liên thôn Phước Tuyền- An Hưng.

5. Đoạn đường: Đoạn từ Nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng (Khu phố 2) - chùa Thiên Quang đến giáp đường Hồ Chí Minh.

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đoạn đường Tỉnh lộ 15 (Cũ): Đoạn từ hàng rào phía Tây (Hội Người mù huyện) đi qua chợ Phiên ra giáp ngã ba đường nhánh Hồ Chí Minh (Nhà ông Nguyễn- khu phố Đông Định).

2. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 12+500 đi qua Trạm xá thị trấn đến đường nhánh Hồ Chí Minh (Nhà ông Côi).

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Đoạn đường liên thôn Tân Hòa- An Hưng- Tân Định: Đoạn từ nhà ông Hiền (Tân Hòa- Thị trấn) đến nhà bà Hạnh (Tân Định- Cam Thành).

2. Đoạn đường: Đoạn từ phía Nam cầu số 1 Nam Hùng đến giáp đường WB2 thôn Nam Hùng.

3. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 14+300 (Trạm xá Cam Thành cũ) đến giáp tuyến đường liên thôn Tân Định- Phước Tuyền.

VIII. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được

xếp loại;

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được

xếp loại;

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

PHÂN LOẠI XÃ CỦA HUYỆN GIO LINH VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN GIO LINH

A. PHÂN LOẠI XÃ

I. CÁC XÃ MIỀN NÚI

Gồm có: Xã Linh Thượng, xã Vĩnh Trường, xã Hải Thái.

II. CÁC XÃ ĐỒNG BẰNG

Gồm có: Xã Gio Việt, xã Gio Hải, xã Trung Giang, xã Trung Hải, xã Gio Hải, xã Gio Mỹ, xã Gio Thành, xã Gio Mai, xã Gio Quang.

III. CÁC XÃ TRUNG DU

Gồm có: Xã Gio Sơn, xã Gio Hòa, xã Linh Hải, xã Gio An, xã Gio Bình, xã Gio Châu, xã Trung Sơn, xã Gio Phong.

B. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN GIO LINH

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 2D

1. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đường vào Trường Tiểu học thị trấn Gio Linh đến đường vào Sân Vận động.

2. Đường tỉnh lộ 75 Đông: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến đường Gio Châu - Dốc Miếu.

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đường vào Trường Tiểu học thị trấn Gio Linh đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio Phong.

2. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đường vào Sân Vận động đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio Châu.

3. Đường phía Nam chợ Cầu cả đường và đường phía Bắc chợ Cầu cả đường.

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến đường vào Trường Mầm non Hòa Mỹ.

2. Đường phía Đông chợ Cầu: Đoạn từ đường 75 Đông đến đường vào Trường Mầm non Hòa Mỹ.

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đường tỉnh lộ 75 Đông: Đoạn từ ngã tư giao nhau với đường Gio Châu- Dốc Miếu đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio Mỹ.

2. Đường tỉnh lộ 75 Tây: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio An.

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường Gio Châu- Dốc Miếu: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường từ Quốc lộ 1A về Trường Hòa Mỹ kéo dài.

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đường Gio Châu- Dốc Miếu: Đoạn còn lại.

2. Đoạn đường: Từ Quốc lộ 1A về Trường Tiểu học thị trấn Gio Linh.

3. Đoạn đường ranh giới giữa Khu phố 3 và Khu phố 4.

4. Đoạn đường: Từ đường về đình Hà Thượng đến đường phía Đông chợ Cầu kéo dài.

5. Đường phía Đông chợ Cầu kéo dài: Đoạn còn lại.

6. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến đường Gio Châu- Dốc Miếu.

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến trường Bán công.

2. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A về Lan Đình đến đường Gio Châu- Dốc Miếu.

3. Đoạn đường: Từ tường phía Nam Tòa án đến cắt đường 75 Tây (Đi về phía Bắc) đến hết nhà ông Thi Khu phố 2.

4. Đoạn Đường: Từ đường 75 Đông đến đình Hà Thượng.

5. Đoạn đường: Từ ngã ba Trường Tiểu học thị trấn đến đường Gio Châu- Dốc Miếu.

6. Đoạn đường: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A về đình Hà Thượng đến đường Gio Châu - Dốc Miếu + 100m (Đoạn còn lại).

7. Đoạn đường: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A về đường ranh giới giữa Lhu phố 3, Khu phố 4 đến đường Gio Châu- Dốc Miếu + 100m (Đoạn còn lại).

8. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A về Trường Mầm non Hòa Mỹ đến đường Gio Châu- Dốc Miếu + 100m (Đoạn còn lại).

9. Các đoạn đường: Từ đường 75 Đông đến các giếng nước của Công ty Cấp thoát nước.

10. Đoạn đường: Từ đường 75 Đông đến đường vào Sân Vận động.

11. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến hết thị trấn Gio Linh theo hướng vào đường sắt Hà Trung.

VIII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Đoạn đường: Từ đường Gio Châu- Dốc Miếu về Lan Đình.

2. 02 Đoạn đường: Từ đường Gio Châu- Dốc Miếu đến đình Hà Thượng.

3. Đoạn đường: Từ đường Gio Châu- Dốc Miếu cắt đường 75 Đông vào đình Hà Thượng.

IX. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;

- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;

- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;

- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;

- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại;

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

PHÂN LOẠI XÃ CỦA HUYỆN TRIỆU PHONG VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN ÁI TỬ

A. PHÂN LOẠI XÃ

I. CÁC XÃ ĐỒNG BẰNG

Gồm có:

- Các xã: Xã Triệu Phước, xã Triệu Độ, xã Triệu Thuận, xã Triệu Đại, xã Triệu Hòa, xã Triệu Trung, xã Triệu Tài, xã Triệu Sơn, xã Triệu Trạch, xã Triệu Thành, xã Triệu Đông, xã Triệu Long;

- Xã Triệu Giang: Phía Đông đường sắt Bắc- Nam;

- Xã Triệu Ái: Phía Đông đường sắt Bắc- Nam;

- Xã Triệu Thượng: Phía Đông đường sắt Bắc- Nam.

II. CÁC XÃ TRUNG DU

Gồm có:

- Các xã: Xã Triệu An, xã Triệu Lăng, xã Triệu Vân;

- Xã Triệu Giang: Phía Tây đường sắt Bắc- Nam;

- Xã Triệu Ái: Phía Tây đường sắt Bắc- Nam;

- Xã Triệu Thượng: Phía Tây đường sắt Bắc- Nam.

B. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN ÁI TỬ

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 1D

1. Đường Quốc Lộ 1A: Đoạn từ ranh giới phía Bắc giáp xã Triệu Ái đến ranh giới phía Nam giáp xã Triệu Thượng.

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đoạn đường: Đoạn từ cơ quan UBMT đến giao nhau với đường sắt.
2. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến hết Nông trường lợn giống.
3. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi qua Trung tâm Y tế đến giao đường sắt.
4. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi qua Viện Kiểm sát đến giao đường sắt.
5. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng chùa Sắc Tứ.
6. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến hàng rào Nhà khách Ủy ban.
7. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi Trù Lầu đến giao đường sắt.
8. Đoạn đường: Từ điểm nút giao nhau với đường đi Trù Lầu đến điểm nút giao nhau với đường đi Nông trường lợn giống huyện.

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đoạn đường ngang qua làng SODI song song với đường ngang qua trường THPT Chu Văn An: Đoạn từ giao nhau với đường ngang qua Trung tâm Y tế đến giao nhau với đường ngang qua Trung tâm Chính trị huyện.

2. Các đoạn đường (Trừ các đường loại 3b) nằm về phía Đông đường ngang qua Trường THPT Chu Văn An.

3. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A tại cây xăng ngang qua chợ tạm thị trấn đến Quốc lộ 1A giáp Ngân hàng Chính sách (Phòng Tư pháp cũ).

4. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A tại Hạt Kiểm lâm đến giao nhau với đường chợ tạm thị trấn Ái Tử.

IV. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại;

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí II đường 4c;
- Các Đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại;

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

PHÂN LOẠI XÃ CỦA HUYỆN HẢI LĂNG VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HẢI LĂNG

A. PHÂN LOẠI XÃ

I. CÁC XÃ ÁP DỤNG THEO XÃ TRUNG DU

Gồm có:

- Xã Hải An, xã Hải Khê;
- Xã Hải Chánh: Khu vực dân cư thôn Câu Nhi, Văn Phong, Lương Sơn, Tân Trung, Tân Lương, Văn Hiệp, Vực kè, Xuân Lộc;
- Xã Hải Sơn: Khu vực dân cư thôn Tân Điền đến hết thôn Khe Mương và đội 4, 5 Hợp tác xã Long Điền;
- Xã Hải Trường: Khu dân cư thôn Trường Xuân, Trường Thọ;
- Xã Hải Thọ: Khu vực dân cư thôn Diên Trường, Tân Diên, Đồng Hộ;
- Xã Hải Thiện: Khu vực dân cư thuộc các vùng đất cát trên địa bàn;
- Xã Hải Phú: Khu vực dân cư thôn Phú Hưng và các khu vực còn lại;
- Xã Hải Thượng: Khu vực dân cư khu vực 6 Đại An Khê, khu vực Quếng;
- Xã Hải Quy: Khu vực vùng cát, xóm Rú, Phốc Nông, Dãy sau, vùng Nương hoang, xóm Quả Lò;
- Xã Hải Lâm: Khu vực dân cư thôn Xuân Lâm, Thượng Nguyên, Trường Phước;
- Xã Hải Xuân: Khu dân cư dọc phía Đông đê cát xã Hải Ba; khu dân cư dọc đường Hải Xuân, Hải Thượng, vùng cát;
- Xã Hải Vĩnh: Khu dân cư thuộc vùng cát;
- Xã Hải Quế: Khu dân cư dọc phía Đông đê vùng cát;
- Xã Hải Dương: Khu dân cư dọc phía Đông đê vùng cát.

II. CÁC XÃ ĐỒNG BẰNG

Gồm có: Xã Hải Thành, xã Hải Tân, xã Hải Hòa; các vùng còn lại của các xã: Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Trường, Hải Thọ, Hải Thiện, Hải Lệ, Hải Thượng, Hải Quy, Hải Lâm, Hải Ba, Hải Xuân, Hải Vĩnh, Hải Quế, Hải Dương và Khu vực dân cư thôn Long Hưng, dọc đường Quốc lộ 1A (Đoạn giáp cầu Trắng thị xã Quảng Trị đến UBND xã Hải Phú), khu vực thị tứ Long Hưng, đường Phú Lệ A, đường Phú Lệ B, khu vực Trun, đường Quốc lộ 1A còn lại trên địa bàn của xã Hải Phú.

B. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HẢI LĂNG

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đường Quốc Lộ 1A: Cả đoạn trên địa bàn thị trấn Hải Lăng.
2. Đường tỉnh Lộ 8A: Cả đoạn trên địa bàn thị trấn Hải Lăng.
3. Đường tỉnh Lộ 8B: Cả đoạn trên địa bàn thị trấn Hải Lăng.

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đường Ngô Quyền: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B.

2. Đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B.
3. Đường 19/3: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B.
4. Đường Trần Phú: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B.
5. Đường Thanh Niên: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B.

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đường Ngô Quyền: Đoạn từ đường 8B đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ.
2. Đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường 8B đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ.
3. Đường 19/3: Đoạn từ đường 8B đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ.
4. Đường Trần Phú: Đoạn từ đường 8B đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ.

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đường Nguyễn Huệ: Cả đường.
2. Đường Mai Văn Toàn: Cả đường.
3. Đường Phan Thanh Chung: Cả đường.
4. Đường ven hồ đập Thanh: Đoạn từ sau nhà ông Lâm khóm III, thị trấn Hải Lăng đến tiếp giáp đường ngang nối với đường 19/3.
5. Đường 19/3 phía Bắc tỉnh lộ 8A: Đoạn từ nhà ông Khiết khóm III, thị trấn Hải Lăng đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.
6. Đường song song với đường tỉnh lộ 8A (Phía Bắc): Đoạn từ phía sau nhà ông Hoàng khóm III, thị trấn Hải Lăng đến đường ven hồ đập Thanh khóm III, thị trấn Hải Lăng (Phía sau Tòa án).
7. Đường Lý Thường Kiệt: Đoạn từ Tỉnh lộ 8A đến cầu Mai Đàn.

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường Bệnh viện đi Hải Xuân: Từ tỉnh lộ 8A đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.
2. Đoạn đường: Từ nhà ông Hiền khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Cường khóm I, thị trấn Hải Lăng.
3. Đoạn đường: Từ Trung tâm Học tập cộng đồng (Khóm II, thị trấn Hải Lăng) đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.
4. Đường Lý Thường Kiệt: Đoạn từ cầu Mai Đàn đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.
5. Đường Nguyễn Ngọc Thuyết: Cả đường.
6. Đường Lê Thị Tuyết: Cả đường.
7. Đường Tôn Thất Thuyết: Cả đường.
8. Đường Trần Thị Tâm: Cả đường.

9. Các đoạn đường còn lại (Từ đường 19/3 đến đường ven hồ đập Thanh) trong khu đất ở cán bộ và nhân dân thuộc khóm III, thị trấn Hải Lăng.

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đường Nguyễn Trãi: Cả đường.

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Đoạn đường: Từ nhà ông Thơ khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà bà Hoàn khóm I, thị trấn Hải Lăng.

2. Các đoạn đường: Từ tỉnh lộ 8A đến dãy 2 ở khóm I, thị trấn Hải Lăng.

3. Đoạn đường: Từ nhà ông Tân khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Thanh khóm I, thị trấn Hải Lăng.

4. Đoạn đường: Từ nhà ông Lý khóm II, thị trấn Hải Lăng đến hết ranh giới giới thị trấn Hải Lăng.

VIII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Các đoạn đường dãy 2 song song tỉnh lộ 8A đoạn ở khóm I, thị trấn Hải Lăng.

2. Đoạn đường dãy 2: Từ nhà bà Gái khóm II, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Lâm khóm II, thị trấn Hải Lăng.

3. Đoạn đường dãy 2: Từ sau nhà ông Khiết khóm III, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Sáu khóm III, thị trấn Hải Lăng.

IX. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại;

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại;

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

**PHÂN LOẠI XÃ CỦA HUYỆN VĨNH LINH
VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HỒ XÁ, THỊ TRẤN BẾN QUAN**

A. PHÂN LOẠI XÃ

- Các xã đồng bằng, gồm có: Xã Vĩnh Thủy, xã Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Nam, xã Vĩnh Long, xã Vĩnh Tú, xã Vĩnh Cháp, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Thành, xã Vĩnh Hiền, xã Vĩnh Kim, xã Vĩnh Thạch, xã Vĩnh Quang, xã Vĩnh Giang, xã Vĩnh Tân, xã Vĩnh Thái.

B. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HỒ XÁ

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 1D

1. Đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A) - Đoạn từ ngã tư đường (Nhà ông Minh) đến ngã ba rẽ vào cơ quan Mặt Trận.

2. Đường Hùng Vương - Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng Bệnh viện Vĩnh Linh.

3. Đường Chu Văn An - Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng Trường THPT.

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 2A

1. Đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A) - Đoạn từ ngã ba rẽ vào cơ quan Mặt Trận huyện đến giáp ngã ba Châu Thị.

2. Đoạn từ nhà ông Tĩnh (Vật liệu xây dựng) đến hết cổng phụ phía Nam chợ Hồ Xá I.

3. Đường Lê Duẩn (Quốc lộ 1A) - Đoạn từ ngã tư rẽ vào Lâm trường đến hết địa giới thị trấn Hồ Xá.

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 2B

1. Đường Hai Bà Trưng (Cổng Công an huyện) đến Sân Vận động.

2. Đường Trần Phú.

3. Đường Trần Hưng Đạo- Đoạn từ ngã tư Lâm trường đến giáp đường Hùng Vương.

4. Đường Nguyễn Du- Đoạn từ Quốc lộ 1A đến ngã tư Lâm Trường.

5. Đường Quang Trung.

IV. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 2C

1. Đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ ngã tư Lâm trường đến giáp đường Lý Thánh Tông (Đường vào khóm Vĩnh Bắc).

2. Đường Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà Máy giấy) đến ngã ba nhà bà Ân.

3. Đường Trần Phú: Đi qua Sân Vận động về gặp ngã ba đường Hai Bà Trưng - Trần Phú.

4. Đường Nguyễn Du: Đoạn từ ngã tư Lâm trường đến giáp đường Trần Phú.

V. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3A

1. Đường Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ cổng Bệnh viện đến giáp đường Nguyễn Văn Cừ (Ngã tư nhà ông Kiém).

VI. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3B

1. Đường Nguyễn Văn Cừ: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Quán Vương Cát Trà) đến giáp đường Nguyễn Văn Linh tại ngã tư nhà ông Kiêm.

2. Đường Lê Hồng Phong: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Quán sửa xe ông Hòa) đến giáp đường Nguyễn Văn Linh (Ngã tư nhà ông Hùng).

3. Đường Ngô Quyền: Đoạn giáp đường Nguyễn Văn Cừ (Ngã ba nhà ông Thử) đến đường Quang Trung (Ngã ba Đội Quản lý đường bộ).

VII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3C

1. Đường Lê Hữu Trác: Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh (Ngã ba nhà ông Cả) đến giáp điểm cuối đường Lê Hồng Phong (Trạm Thú ý cũ).

2. Đường Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ ngã ba nhà bà Én đến cầu Đúc (Về Vĩnh Tú).

3. Đường Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ ngã tư nhà ông Kiêm đến giáp đường Lê Hồng Phong (Ngã tư nhà thầy Hùng).

4. Đường Lê Hồng Phong: Đoạn từ ngã tư nhà thầy Hùng đến giáp đường Lê Hữu Trác (Ngã ba thú y cũ).

5. Đường Nguyễn Lương Bằng: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà ông Khảm cơ khí) đến giáp đường Cao Bá Quát (Ngã ba Nông trường Bộ).

6. Đường Cao Bá Quát: Từ Quốc lộ 1A đến ngã ba Nông trường Bộ.

VIII. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3D

1. Đường Nguyễn Thị Minh Khai: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà ông Hồng vật liệu) vòng qua Cục Dự trữ ra giáp đường Quang Trung ở ngã tư Huyện đội.

2. Đường Phan Huy Chú: Đoạn từ nhà ông Mão thợ mộc đến ngã ba đường vào xây dựng cũ.

3. Đường Hoàng Văn Thụ: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà ông Ánh) về giáp địa giới xã Vĩnh Hòa.

IX. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3E

1. Đường Lý Thánh Tông: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi Vĩnh Bắc ra gặp đường Đinh Tiên Hoàng.

2. Đường Phạm Văn Đồng: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến gặp đường Nguyễn Trãi.

3. Đường Tôn Đức Thắng: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến gặp đường Nguyễn Trãi.

4. Đường Lê Thế Hiếu: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến nhà ông Ngôn.

5. Đường Võ Thị Sáu.

X. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;

- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;

- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại;

Mặt cắt của các đoạn đường này được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

C. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN BẾN QUAN

I. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 3E

1. Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ nhà hàng Huyền Ý đến cầu Bến Quan.

II. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 4A

1. Đường ĐT571: Đoạn từ cầu Hạnh Phúc đến chợ Bến Quan.

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 4B

1. Đường ĐT571: Đoạn từ chợ Bến Quan đến cầu Khe Cáy.

2. Đường ĐT571: Đoạn từ cầu Hạnh Phúc đến hết trường Tiểu học Quyết Thắng.

3. Đường từ đường Hồ Chí Minh (Nhà ông Thông khóm 11 đến giáp ĐT571- hết nhà Vi Sơn).

4. Đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Quang Châu (Khóm 11).

IV. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại;

Mặt cắt của các đoạn đường này được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

Phụ lục số 5:**QUY ĐỊNH VỀ PHÂN VÙNG, KHU VỰC; PHÂN HẠNG ĐẤT, LOẠI ĐẤT****1. Xã miền núi**

Huyện Hướng Hóa:

Các xã: Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Thuận, Thanh, Hướng Lộc, A Xing, A Túc, A Dơi, Xi, Pa Tầng, Húc, Hường Tân, Hường Linh, Hường Sơn, Hường Phùng, Hường Lập, Hường Việt.

Huyện Đakrông:

Các xã: Hường Hiệp, Đakrông, Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng, Hải Phúc, Tà Long, Húc Nghi, Pa Nang, Tà Rụt, A Ngo, A Bung, A Vao.

Huyện Cam Lộ:

Các xã: Cam Chính, Cam Nghĩa, Cam Thành, Cam Tuyên

Huyện Gio Linh:

Các xã: Linh Thượng, Vĩnh Trường, Hải Thái

Huyện Vĩnh Linh:

Các xã: Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê.

Huyện đảo Cồn Cỏ

2. Hạng đất

- Đất trồng cây hàng năm có từ hạng 2 đến hạng 6; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản có 6 hạng;

- Đất trồng cây lâu năm và đất rừng sản xuất có 5 hạng.

3. Đất làm muối có 4 vị trí

- Vị trí I: Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung không quá 30m;

- Vị trí II: Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung từ 30m đến 50m;

- Vị trí III: Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung từ 50m đến 80m;

- Vị trí IV: Các khu vực đất còn lại.

4. Đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn:

- Khu vực I: Vừa tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ vừa nằm tại trung tâm xã, cụm xã (Gần UBND xã, trường học, chợ, Trạm Y tế) hoặc liền kề với Khu Thương mại-Du lịch, Khu Công nghiệp;

- Khu vực II: Tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ, đường giao thông liên thôn; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã; hoặc tiếp sau phần đất khu vực I;

Phạm vi đất khu vực I và khu vực II có chiều sâu tối đa 4 vị trí đất, mỗi vị trí là một chủ sử dụng đất nhưng tổng chiều sâu không quá 200m.

- Khu vực III: Các vị trí còn lại trên địa bàn xã.

5. Khu vực đất tại Khu Du lịch- Thương mại, Khu Thương mại, Khu Công nghiệp:

- Khu vực I: Thuộc địa bàn thị xã Đông Hà;

- Khu vực II: Gồm các huyện: Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng, thị xã Quảng Trị (Trừ các xã miền núi);

- Khu vực III: Gồm huyện Hương Hóa, huyện Đakrông, huyện đảo Cồn Cỏ và các xã miền núi của các huyện khác trong tỉnh.

6. Giao UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã:

6.1. Quy định khu vực, xác định vị trí cho từng loại đất tại các bảng giá số 5, 6, 7 và 10 thuộc phụ lục số 1 đính kèm Nghị quyết này;

6.2. Phân hạng đất nông nghiệp (Tại các bảng giá số 1, 2, 3 và 4) theo phân hạng của bộ thuế nông nghiệp năm 2004 và các nguyên tắc quy định tại Nghị định số 73/CP ngày 25 tháng 10 năm 1993 của Chính phủ về Quy định chi tiết phân hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp;

6.3. Hàng năm tổ chức điều tra giá đất trên địa bàn huyện, thị xã. Trước ngày 20/10 hàng năm gửi báo cáo kết quả điều tra giá đất và phân loại đường phố đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, xây dựng phương án giá đất và phân loại đường phố thị xã, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh./.